

## HÀNH TRÌNH TƯ TƯỞNG CỦA LUDWIG WITTGENSTEIN: SỰ NGHIỆP KHOA HỌC, DI SẢN VÀ ẢNH HƯỞNG

**Lê Huy Bắc**

*Trường Đại học Sư phạm 1 Hà Nội*

**Dương Thị Ánh Tuyết**

*Trường Đại học Quảng Bình*

**Tóm tắt.** Được đánh giá là một trong những trụ cột triết học của nhân loại ở thế kỉ XX, Ludwig Wittgenstein có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều thế hệ triết gia và hầu hết mọi lĩnh vực khoa học xã hội trên toàn thế giới. Bài viết tập trung phân tích quá trình đến với triết học và triết học ngôn ngữ với lý thuyết trò chơi của thiên tài nghịch dị Ludwig Wittgenstein.

### 1. HÀNH TRÌNH TƯ TƯỞNG

Ludwig Wittgenstein – Người có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều thế hệ triết gia và hầu hết mọi lĩnh vực khoa học xã hội trên toàn thế giới. Riêng đối với văn học hậu hiện đại, khái niệm “trò chơi ngôn ngữ” của ông được xem là chìa khóa hữu hiệu cho cách tiếp cận và sáng tạo. Từ khái niệm này, mở rộng hơn, các triết gia xây dựng lý thuyết trò chơi và khẳng định, ngày nay, lý thuyết đó xâm nhập sâu rộng vào đời sống tư duy, hoạt động của con người.

Trên tiến trình phát triển của nhân loại, càng ngày các nhà nghiên cứu có xu hướng chuyên sâu vào từng lĩnh vực khác nhau. Điều này rất đúng trong kỉ nguyên hiện đại. Nhưng với hậu hiện đại thì hoàn toàn khác. Các nhà tư tưởng hậu hiện đại có xu hướng quy tụ nhiều ngành nghiên cứu trong sự nghiệp của mình. Đây là hiện tượng kì lạ. Một học giả hậu hiện đại hầu như bao giờ cũng là một nhà nghiên cứu đa ngành. Lĩnh vực nào họ quan tâm gần như cũng đều ghi được dấu ấn. Tình hình này rất giống với thời Hi Lạp cổ đại. Các triết gia thời đó đa phần có thể được định danh theo nhiều cách khác nhau. Aristotle (384 TCN– 322 TCN) vừa là nhà triết học, nhà lý luận văn học, nhà mỹ học, nhà toán học, nhà thơ, nhà ngôn ngữ, nhà sinh vật học... Wittgenstein và nhiều nhà tư tưởng hậu hiện đại có thể được xem là những triết gia “cổ đại hóa” theo cách này. Khởi nghiệp, Wittgenstein chuyên về vật lý, về máy bay, về logic, nhưng dần dà sự nghiệp nghiên cứu của ông mở rộng sang nhiều lĩnh vực khác. Cả toán học và ngôn ngữ cũng đều không xa lạ với ông. Giới nghiên cứu định danh ông là nhà triết học toán học (philosophy of mathematics), triết học tinh thần (philosophy of mind) và triết học ngôn ngữ (philosophy of language). Sinh thời ông còn làm giáo viên phổ thông. Đỉnh cao trong sự nghiệp giáo dục của ông là giáo sư triết tại Đại học Cambridge (1939–1947).

Những gì Wittgenstein đóng góp cho nhân loại thật phi thường. Bằng cách chỉ ra cách thức tạo nghĩa của ngôn từ, Wittgenstein góp phần làm thay đổi nhận thức của chúng ta về ngôn ngữ, về khả năng tác động của cách thức vận động đó đến đời sống con người. Ông được tôn vinh: “Tác giả của *Nghiên cứu triết học* không có tiền bối trong triết học”<sup>(1)</sup> (The author of the *Philosophical Investigations* has no ancestors in philosophy). Nhận định này được đưa ra vào 1955. Lúc đó, độ lùi thời gian chưa nhiều, Wittgenstein chỉ vừa mới qua đời vào 1951, nên có lẽ chưa thuyết phục được đông đảo người đương thời. Nhưng đến đầu thập kỉ 1970, triết gia nổi tiếng Hoa Kỳ Richard Rorty một lần nữa khẳng định: “Hệt như chẳng một ai ở thế kỉ mười chín đi vào triết học mà chẳng qua những thuật ngữ của Kant, nên chẳng một ai ở thế kỉ chúng ta đi vào triết học lại không song hành với những thuật ngữ của Wittgenstein và Heidegger.”<sup>(2)</sup>

Wittgenstein là người thực sự đam mê triết học mặc dù trong đời, ông có không ít sự đam mê. Ông cho rằng chỉ có triết học mới thực sự đem lại cho ông sự sáng khoái. Norman Malcolm, triết gia Hoa Kỳ, một học trò thân cận nhất của Wittgenstein ghi lại lời của thầy rằng nghiên cứu triết học là: “cái công việc duy nhất mang lại cho tôi sự thỏa mãn thực sự” (the only work that gives me real satisfaction). Tuy nhiên không phải ngay từ đầu ông dồn năng lực vào triết học. Triết học đến với ông chỉ là tình cờ. Bertrand Russell (1872–1970) người thầy cũng là đồng nghiệp của ông trong *Lời cáo phó* viết cho một tạp chí triết học sau khi ông qua đời đã hé lộ nhiều điều về con người và những đóng góp triết học lớn lao của Wittgenstein

Không phải về sau cái nhìn của Russell mới thay đổi về Wittgenstein mà “Ba tháng sau khi Wittgenstein đến gặp, Russell nói với Morrell: Tôi quý cậu ấy và cảm thấy cậu ấy sẽ giải quyết được những vấn đề mà tôi quá già để thực hiện... Cậu ấy là chàng trai trẻ mà người ta hi vọng”<sup>(3)</sup>.

Những phát biểu trên của bậc thầy triết học chỉ dừng lại ở giai đoạn đầu trong sự nghiệp của Wittgenstein. Giai đoạn này ông tập trung vào logic. Cơ sở của logic đây chính là nền tảng toán học. Tất cả vấn đề đó được tập trung trong cuốn *Luận cương Triết-Logic* (Tractatus Logico-Philosophicus, 1921), thường được gọi tắt là *Luận cương*, *Luận lí* hay *Cương lĩnh*. Cuốn sách duy nhất được Wittgenstein cho xuất bản khi còn sống. Với *Luận cương*, Wittgenstein cho rằng tất cả mọi vấn đề triết học đã được ông giải quyết. Vậy nên, ông rút lui khỏi lĩnh vực triết học, để sống cuộc sống của một con người bình thường.

<sup>(1)</sup> Georg Henrik von Wright, *Ludwig Wittgenstein, A Biographical Sketch*, The Philosophical Review, Vol. 64, No.4, (Oct., 1955), pp. 527-545.

<sup>(2)</sup> Charles Guignon, *Philosophy after Wittgenstein and Heidegger*, Philosophy Phenomenological Research, Vol L, No 4, June, 1990, p. 649.

<sup>(3)</sup> Ray Monk, *Ludwig Wittgenstein: The Duty of Genius*, Free Press, 1990. pp. 41.

## 2. THIÊN TÀI NGHỊCH DI

Wittgenstein sinh ngày 26 tháng 4 năm 1889 tại Viên, Áo. Gia đình ông có gốc gác Do Thái, di cư từ Saxony, Đức sang Áo. Cha ông là một kỹ sư, thông minh và rất giỏi kinh doanh đến mức chẳng mấy chốc đã trở thành ông trùm ngành thép ở Áo thời đó. Tài sản gia đình ông đứng thứ hai trên toàn đế chế. Cha mẹ ông đều có năng khiếu và đam mê âm nhạc. Thuở bé, ông được sống trong môi trường sung túc, văn hóa cao. Ông là con út trong gia đình có chín anh chị em. Ba người anh trước ông đều thành đạt và nổi tiếng thông minh từ bé. Riêng Ludwig tuy không ai phủ nhận tài năng nhưng lại không đáp ứng được kì vọng của người cha. Nhưng về sau chính ông lại là người mang lại tiếng tăm lẫy lừng cho dòng họ trong lúc cả ba anh trai ông đều tự tử và đương nhiên không thể nào nổi tiếng bằng ông.

Mãi cho đến năm mười bốn tuổi, Wittgenstein chỉ được giáo dục tại nhà. Sau đó ông mới đến trường. Ông yêu thích môn vật lý, nhưng rồi chuyển sang ngành cơ khí. Ông nhập học trường kỹ nghệ Berlin vì có niềm đam mê lớn đối với máy móc và tỏ rõ tài năng trong lĩnh vực này. Điều đó phần nào ông được thừa hưởng từ cha.

Năm 1908, Wittgenstein sang Anh. Ông đăng kí học tại trường Đại học Manchester, khoa Kỹ thuật (Department of Engineering) suốt ba năm, sau đó ông chuyển sang nghiên cứu cánh quạt máy bay và muốn chế tạo một chiếc máy bay theo thiết kế của mình. Do vấp phải những thuật toán chưa biết nên ông chuyển dần sang toán học và thực sự bị môn này cuốn hút. Nhưng một lần nữa lại có sự thay đổi, Wittgenstein bắt đầu làm quen với triết học và quan tâm đến mối quan hệ giữa văn chương và toán. Georg Henrik von Wright kể: “Người ta nói rằng Wittgenstein hỏi ai đó để tìm lời khuyên về văn học trên nền tảng toán học và được giới thiệu đến cuốn *Những nguyên lý toán học* (Principles of Mathematics) của Bertrand Russell, được xuất bản vào năm 1903. Dường như rõ ràng rằng cuốn sách này đã tác động sâu sắc đến sự phát triển của Wittgenstein”<sup>(1)</sup>. Sự chuyển hướng cuối cùng đó, thực sự đã đặt Wittgenstein vào đúng chỗ trong đời của cá nhân ông và của nhân loại. Nhờ ngôn ngữ học, toán học và triết học, Wittgenstein đã tạo nên nền tảng không thể tốt hơn cho kỷ nguyên hậu hiện đại tồn tại và phát triển.

Wittgenstein là một thiên tài nhiều mặt. Ông rất có khiếu âm nhạc, đặc biệt là tài huýt gió. Ông am hiểu vật lý, hóa học. Ông có thể thiết kế một ngôi biệt thự sang trọng... Trên tất cả, ông là một triết gia bẩm sinh. Bởi trong quá trình tiệm cận và đến với triết học, dù trải qua bao thử thách nhưng trước sau ông vẫn đi trọn con đường mình chọn. Trước hết, ông là người trải nghiệm. Khẩu hiệu đời ông: sống là hành động. Nguyên tắc hành động của ông là tùy thuộc vào nhu cầu và năng lực cá

<sup>(1)</sup> Georg Henrik von Wright, *Ludwig Wittgenstein, A Biographical Sketch*, The Philosophical Review, Vol. 64, No.4, (Oct., 1955), pp. 527-545.

nhân của chính bản thân. Vì lẽ này mà trong suốt những năm tháng đi học ở Anh, ông đổi ngành liên tục và không có lấy một mảnh bằng nào tử tế ngoại trừ bằng tiến sĩ do ba nhà triết học vừa là thầy vừa là đồng nghiệp phong tặng. Ông sống độc thân suốt đời, thích đi du lịch và thích sống tại những nơi xa xôi, tránh xa những cám dỗ vật chất. Hiển nhiên, ông là người đặc biệt, hầu như không giống với bất kì ai. Sau khi cha ông qua đời, được thừa hưởng một gia tài lớn, nhưng ông lại khước từ những ích lợi vật chất đó cho anh chị em mình.

Vào cuối năm 1913, thay vì sống tại những thành phố có tiện nghi tốt, ông chọn một ngôi làng heo hút ở Na Uy, tự dựng cho mình một túp lều rồi ở lại đó cho đến mùa hè năm 1914 để nghiên cứu logic. Cuốn *Luận cương* được phôi thai trong giai đoạn này. Kể từ khi sách ra đời, Wittgenstein được đánh giá là một trong những bậc thầy về logic học.

Đại chiến I bùng nổ. Wittgenstein quay về Viên và gia nhập quân đội Áo. Hai năm tiếp đó, ông phục vụ trong một đơn vị pháo binh với vai trò là thợ cơ khí. Năm 1916, Wittgenstein được cử đi học sĩ quan và được điều đến phục vụ tại mặt trận pháo binh. Năm 1918, đế chế Áo – Hung bại trận, Wittgenstein bị người Italia bắt làm tù binh. Thời gian này, ông đã hoàn thành cuốn *Luận cương*. Nhờ sự can thiệp của Russell, Wittgenstein được trả tự do vào năm 1919. Mặc dù nỗ lực rất nhiều để cuốn sách được in nhưng Wittgenstein vẫn thất bại. Cuối cùng ông giao phó việc đó cho Russell. Nhờ vậy *Luận cương* được in bằng tiếng Đức vào năm 1921 và tiếng Anh vào năm 1922. Tuy nhiên, tình cảm giữa Wittgenstein và Russell có mất mát ít nhiều vì khi đọc lời nói đầu do Russell viết, Wittgenstein phàn nàn rằng Russell đã hiểu sai tư tưởng ông.

Những năm tháng chiến tranh và vào tù ra tội đã khiến Wittgenstein thay đổi hoàn toàn về cách sống và quan niệm sống. Trước chiến tranh, Wittgenstein sống cuộc đời vương giả với tư cách là cậu ấm con vua ngành thép Áo. Cuộc sống đó ít nhiều đã ngăn ông tiệm cận với lối sống bình dân và khó có thể giúp ông có được cái nhìn bao quát về cuộc sống. Vậy nên, ông quyết định chọn lối sống của một người bình thường, kiếm sống bằng một nghề ổn định. Ông nảy ra ý định trở thành thầy giáo vì cho rằng những vấn đề cơ bản của triết học đã được ông giải quyết xong.

Quyết định từ bỏ triết học này một lần nữa cho thấy tính quyết đoán và có phần chủ quan của ông mà sau này chính ông đã nhận thức rõ. Nhưng đây là cá tính đặc biệt của một thiên tài. Ngay sau đó, Wittgenstein ghi danh học lớp nghiệp vụ sư phạm, lấy bằng vào tháng bảy năm 1920. Sự nghiệp giáo dục phổ thông của ông kéo dài được sáu năm với thành tích không lấy gì là xuất sắc. Ông thường bị phàn nàn vì kỉ luật rất nghiêm với học trò do đã quen với nếp sống binh nghiệp trước đó. Sau vài lần chuyển trường qua các làng quê, năm 1926 ông giữ từ giáo

nghiệp. Trở lại Viên, ông xin chân làm vườn trong một tu viện, nơi nhiều lần ông tỏ ý muốn trở thành thầy tu.

Tại Viên, ông lại tiếp tục với triết học thông qua các triết gia Viên thời ấy, đặc biệt là Moritz Schlick, giáo sư tại Đại học Viên, người đánh giá cao *Luận cương* của Wittgenstein. Tuy không thể thuyết phục Wittgenstein gia nhập Trường phái Viên, nhưng Schlick và đồng nghiệp góp phần không nhỏ trong việc đánh thức trở lại tài năng triết học của Wittgenstein, để ông nhận thấy những tiềm năng lớn lao trong tư duy triết học của mình vẫn chưa được khai thác hết. Năm 1929, Wittgenstein đến Cambridge. Ông đệ trình cuốn *Luận cương* để lấy học vị tiến sĩ triết học. Theo đó, Ramsey làm người giám sát khoa học, Russell và Moore phản biện. Khoảng thời gian tiếp theo, Wittgenstein nhiệt tình tham gia vào những hoạt động triết học và ngày càng khẳng định tên tuổi của mình. Ông dự định đến Mỹ nhưng sau đó lại học tiếng Nga và sang thăm Liên Xô vào năm 1935 vì ngưỡng mộ Lev Tolstoy và Fyodor Dostoevsky.

Sau một năm sống tại một túp lều hẻo lánh tại Na Uy, Wittgenstein quay về Cambridge vào năm 1939 để thay Moore giữ chân giáo sư triết học. Đại chiến II nổ ra. Mọi thứ lại đảo lộn với Wittgenstein. Ông nhận làm phu khuân vác tại bệnh viện Guy và sau đó là bệnh viện Hoàng gia Victoria ở Newcastle. Tại đó, theo thói quen chống lại mọi thứ đã thành khuôn sáo, ông khuyên các bệnh nhân đừng uống thuốc theo đơn của bác sĩ. Mọi người ngạc nhiên mà không biết rằng đây chính là một trong những vĩ nhân của thời đại. Chiến tranh kết thúc, ông trở lại với cương vị giáo sư triết học của mình. Nhưng lần này, ông cảm thấy bị bó buộc mặc dù người ngưỡng mộ ông ngày một gia tăng. Năm 1947, ông từ bỏ chân giáo sư để sống cuộc đời tự do. Ông đến Ai Len sống trên bờ biển xa xôi, nơi chỉ có dân chài lui tới. Những năm tháng này, ông hoàn thành cuốn sách thứ hai của đời mình *Nghiên cứu triết học* mà vẫn chưa cho in cho đến khi qua đời. Năm 1949, ông thăm Mỹ và biết mình bị ung thư. Sau đó, ông quay về Oxford và Cambridge sống với bạn bè, chỉnh sửa tác phẩm rồi mất vào ngày 29 tháng 4 năm 1951.

Cách giảng bài của Wittgenstein thật đặc biệt. Ông nêu vấn đề và cùng tranh luận với sinh viên. A. C. Grayling ghi nhận phong cách dạy của Wittgenstein rằng “cách dạy đánh vật với những vấn đề của ông trước họ, nhiều lần thốt lên: hôm nay tôi ngu quá!” và “nhiều lần khác ngồi căng thẳng, kéo dài sự im lặng”<sup>(1)</sup>. Không có khoảng cách giữa người dạy và người học, Wittgenstein tôn trọng khả năng tư duy trực tiếp của người nghe.

Đây là một thể mạnh mà không mấy người sánh kịp với Wittgenstein. Thông qua tranh luận với người nghe, tư tưởng của ông dần hình thành và thông tỏ. Ông là người không chịu cố định bản thân và tư duy vào duy nhất một vấn đề. Cuộc

<sup>(1)</sup> A. C. Grayling, *Wittgenstein*, Oxford: Oxford University Press, 1996, pp.9.

sống của ông là những dịch chuyển không ngừng: từ thành phố sầm uất bậc nhất châu Âu đến những miền quê xa xôi hẻo lánh, từ những tiện nghi vật chất thượng thừa đến cảnh sống nghèo nàn, vật dụng chỉ vừa đủ để phục vụ nhu cầu tối thiểu, từ tham gia Thế chiến I, bị bắt làm tù binh, đến Liên Xô xã hội chủ nghĩa, đến Hoa Kỳ tư bản chủ nghĩa, bất chấp sự đói đầu khốc liệt của họ... Ông là hiện thân của sự trải nghiệm tuyệt vời. Với ông, không có gì là nhất thành bất biến. Ông là thầy của những bậc thức giả và cả của lũ trẻ con. Ngồi trên bục giảng mà vẫn tham gia nghiên cứu cùng người học... Con người Wittgenstein là cả sự vận động náo nhiệt và phi thường. Ông dường như ném trái hết mọi thứ trên đời, kể cả từng yêu phụ nữ lẫn đàn ông... để cuối cùng từ quan niệm mọi thứ đều có logic nội tại và chủ yếu là đóng kín của nó ông chuyển sang đánh giá lại những luận điểm về trật tự, nề nếp, mạch lạc và đưa ra những luận lý về “trò chơi ngôn ngữ” với “ngữ pháp” và “hoạt động” đặc thù như là nền tảng của mọi tồn tại của xã hội người.

### 3. SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CỦA LUDWIG WITTGENSTEIN: DI SẢN VÀ ẢNH HƯỞNG

Xuất phát từ quan niệm xem ngôn ngữ như “vô số những hoạt động khác nhau” (a multiplicity of different activities), Wittgenstein phê phán quan điểm của chính mình trong *Luận cương*. Trong lời nói đầu cuốn *Nghiên cứu triết học*, Wittgenstein viết: “Bốn năm trước tôi có dịp đọc lại cuốn sách đầu tiên của mình, để giải thích tư tưởng cho ai đó. Bỗng nhiên như thể đối với tôi, tôi cần phải xuất bản những tư tưởng cũ này cùng với những tư tưởng mới: rằng cái cuốn sau có thể được nhìn thấy trong sự chiếu rọi chuẩn, chỉ bằng cách tương phản hoặc chống lại nền tảng tư duy trước đó của tôi. Bởi vì kể từ lúc bắt đầu dấn thân lại vào triết học, tôi bị buộc phải thừa nhận đã phạm phải những lỗi lầm nghiêm trọng về nhiều điều tôi viết trong cuốn sách đầu tiên đó”<sup>(1)</sup>.

Một trong những lỗi lầm mà ông muốn nói đến là quan niệm về *nghĩa của từ*. Ông trích một câu trong sách *Xung tội (Confessions)* của St Augustine (354–430): “Khi những bậc trưởng thượng của tôi gọi tên một vật thể nào đó... tôi hiểu ra rằng cái vật đó được gọi bằng âm thanh họ thốt ra”, rồi ông viết: “Những từ này, dường như đối với tôi, mang lại cho chúng ta một bức tranh ngôn ngữ đặc biệt của con người. Nó là thế này: những từ đơn lẻ trong ngôn ngữ định danh sự vật – câu là sự kết hợp của những cái tên đó. Trong bức tranh ngôn ngữ (picture of language) này, chúng ta tìm thấy nguồn gốc của tư tưởng sau: mỗi từ có một nghĩa. Nghĩa có mối liên hệ với từ. Nó là đối tượng mà nhờ đó, từ mới có thể tồn tại”<sup>(2)</sup>. Ông phủ nhận

<sup>(1)</sup> Ludwid Wittgenstein, *Philosophical Investigations, Preface*, Trans: G.E.M. Anscombe, Oxford: Basil Blackwell, 1986, pp.viii.

<sup>(2)</sup> Ludwid Wittgenstein, *Philosophical Investigations*, Trans: G.E.M. Anscombe, Oxford: Basil Blackwell, 1986, pp.2.

quan niệm này vì không cho rằng đó là bản chất của ngôn ngữ. Bản chất nghĩa của ngôn ngữ là cái nằm bên dưới bề mặt và là cái được hình thành trong quá trình hành chức với nhiều khả năng kết nối của chúng.

Duncan Richter khi nghiên cứu về Wittgenstein, trong mục *Mục tiêu của triết học là làm sáng tỏ tư tưởng một cách logic*, khẳng định: “Triết học không phải để miêu tả, mà là làm sáng tỏ. Hoặc khác đi, mục đích của triết học không phải là sự miêu tả, mà là sự làm sáng tỏ”. Miêu tả là công cụ quan trọng để làm sáng tỏ đối với Wittgenstein, nhưng chỉ dừng lại ở đó mà thôi. Vì vậy, trong *Nghiên cứu triết học*, 109, ông viết: “Chúng ta có thể không đề xuất bất kì loại lí thuyết nào. Phải không có bất kì giả thiết nào trong sự cân nhắc của chúng ta. Chúng ta phải quăng tất thảy mọi sự giải thích và chỉ riêng miêu tả đảm nhận vị trí của nó. Và sự miêu tả này có được ánh sáng của nó, đây là để nói về mục đích của nó, từ những vấn đề triết học. Dĩ nhiên đây không phải là những vấn đề kinh nghiệm; chúng được giải quyết, phần nào, bởi việc nhìn vào sự hoạt động của ngôn ngữ chúng ta, và rằng theo cách thức như thế để khiến chúng ta nhận ra được những hoạt động ấy: bất chấp sự khuyến khích hiểu sai chúng. Vấn đề đó đã được giải quyết, không phải bằng cách đưa ra thông tin mới, mà bằng cách sắp xếp những gì chúng ta luôn biết”.

“Với quan niệm nhà triết học là người vẽ bản đồ, vẽ ra “ranh giới của nghĩa”, giới hạn của những gì có thể được nói hoặc nghĩ. Theo đó, triết gia không nên để bản thân mình liên can quá nhiều đến những gì là thật, nhưng phần nào đó với những gì là có thể, những gì là có thể nhận thức được. Điều này phụ thuộc vào quan niệm của chúng ta và cái cách chúng phù hợp với nhau trong ngôn ngữ. Cái gì là có thể nhận thức và cái gì không, cái gì tạo nên nghĩa và cái gì không, phụ thuộc vào luật ngôn ngữ, và ngữ pháp”<sup>(3)</sup>.

Wittgenstein không đả phá ngôn ngữ. Nhưng ông không chấp nhận kiểu ngôn ngữ đã được sử dụng mãi theo một lối mòn. Chính cung cách lười sáng tạo đó đã dẫn đến những sai lạc khi ngôn ngữ đối mặt với những thực tiễn mà con người tạo dựng trong quá trình phát triển. Cần có cách sử dụng mới, theo đó, Wittgenstein đề xuất việc “sắp xếp” lại những gì chúng ta đã “biết”. Như thế sẽ có một kiểu ngôn ngữ mới ra đời.

Quan niệm này đã ghi nhận đóng góp lớn lao của ông cho triết học. “Người ta nói rằng, Wittgenstein truyền cảm hứng cho hai trường phái tư tưởng mà ông đã cự tuyệt cả hai. Một cái được gọi là Chủ nghĩa thực chứng logic (logical positivism) hoặc Chủ nghĩa kinh nghiệm logic (logical empiricism), đã đóng vai trò nổi bật trong suốt thập kỉ ngay trước Đại chiến II. Cái kia được gọi là trào lưu ngôn ngữ hoặc trào lưu phân tích, thỉnh thoảng còn được gọi là Trường phái Cambridge. Nó

<sup>(3)</sup> Duncan Richter, *Wittgenstein at his word*, Continuum, New York, 2004, pp. 13.

thống trị nền triết học Anh đương thời và lan rộng ra toàn bộ thế giới Anglo-Saxon và nhiều quốc gia khác, trong đó các nước Anglo-Saxon chịu ảnh hưởng nhiều nhất.

“Sự thật là triết học Wittgenstein có tầm quan trọng to lớn đối với cả hai xu hướng này trong tư tưởng đương đại: với xu hướng đầu, tác phẩm đầu tiên của ông *Luận cương triết học—logic* và những thảo luận với một số thành viên của Trường phái Viên; đối với nhóm thứ hai, bên cạnh *Luận cương*, những bài giảng của ông tại Cambridge cùng với những phác thảo mà ông đã không xuất bản trong lúc sinh thời. Cũng có phần đúng rằng Wittgenstein đã chối bỏ những thành quả từ sự ảnh hưởng của ông. Ông không tham dự những cuộc tranh luận mang tầm thế giới nơi tác phẩm và tư tưởng của ông được ngợi ca. Ông luôn có ý – chỉ suy đoán, tôi nghĩ – rằng tư tưởng của ông thường xuyên bị hiểu sai và bị xuyên tạc bởi những người thậm chí tự cho mình là học trò ông. Ông băn khoăn rằng liệu ông sẽ được hiểu đúng hơn trong tương lai. Có đạo ông nói rằng ông cảm thấy như thể ông đang viết cho những người có cách tư duy theo kiểu hoàn toàn khác, thở một bầu không khí khác với những con người thực tại. Cho con người của một nền văn hóa khác, hẳn là vậy. Đây là lí do tại sao ông không cho xuất bản những tác phẩm về sau của mình”<sup>(1)</sup>.

Sự xuất chúng của Wittgenstein một phần đến từ truyền thống gia đình, chủng tộc, phần khác đến từ nỗ lực cá nhân và phần khác lại đến từ những ngẫu nhiên. Trong đó có sự ngẫu nhiên nghịch dị. Triết gia Brian McGuinness ghi nhận thuở bé, “Wittgenstein đặc biệt gặp khó khăn trong việc đánh vần, vì lẽ đó mà ông luôn trượt trong những kì thi viết tiếng Đức”. Nhà nghiên cứu dẫn lời Wittgenstein: Năm 1931, ông viết: “Việc đánh vần tôi của tôi thời trẻ, kéo dài đến độ tuổi 18,19, đã ảnh hưởng đến toàn bộ phần còn lại của tính cách tôi (sự yếu kém của tôi trong học tập)”<sup>(2)</sup>. Một người gặp rắc rối trong ngôn ngữ lại là người phát hiện ra được bản chất của những vấn đề thuộc về ngôn ngữ. Quả là một nghịch dị thiên tài!

A. C. Grayling, trong công trình *Wittgenstein*, in năm 1988 (tái bản 1996) cho rằng “Nhiều triết gia đương thời nghĩ ông là nhà tư tưởng vĩ đại nhất thế kỉ hai mươi. Điều này đúng hay không cần phải chờ lịch sử phán xét; sự phán xét của đồng nghiệp không phải là không thể sai lầm”<sup>(1)</sup>. Đương nhiên không cần đến khi lịch sử hạ màn, đến nay vị trí của Wittgenstein trong triết học là hàng số một và không thể thay thế, bất chấp tuổi đời ngắn ngủi, trước tác ít ỏi, tư tưởng mơ hồ và

(1) Georg Henrik von Wright, *Ludwig Wittgenstein, A Biographical Sketch*, The Philosophical Review, Vol. 64, No.4, (Oct., 1955), pp. 527-545.

(2) Brian McGuinness, *Wittgenstein: a life : young Ludwig 1889-1921*. University of California Press, 1988, pp. 51.

<sup>(1)</sup> A. C. Grayling, *Wittgenstein*, Oxford: Oxford University Press, 1996, pp.1.



thường mâu thuẫn... nhưng đây chính là những phẩm chất cơ bản của thời đại mà bằng trực cảm của một vĩ nhân ông đã đi đúng hướng. Không có Wittgenstein thì sẽ không có triết học ngôn ngữ. Ông đã góp phần xây dựng nền tảng cho sự ra đời và phát triển của ngôn ngữ cũng như văn chương nghệ thuật hậu hiện đại ngày nay.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Grayling A.C. (1996), *Wittgenstein*, Oxford: Oxford University Press, 1.
- [2] Russell B.(1951), *Obituary: Ludwig Wittgenstein*, *Mind*, New Series, Vol. 60, No. 239, pp. 297-298.
- [3] McGuinness B. (1988), *Wittgenstein: a life : young Ludwig 1889-1921*. University of California Press, pp. 51.
- [4] Charles Guignon (1990), *Philosophy after Wittgenstein and Heidegger*, *Philosophy Phenomenological Research*, Vol L, No 4, June, pp. 649.
- [5] Richter D.(2004), *Wittgenstein at his word*, Continuum, New York, pp. 13.
- [6] Wright H.G, *Ludwig Wittgenstein, A Biographical Sketch*, *The Philosophical Review*, Vol.
- [7] Wittgenstein L. (1986), *Philosophical Investigations*, Trans: G.E.M. Anscombe, Oxford: Basil Blackwell, pp. 2.
- [8] Malcolm N.(1958), *Ludwig Wittgenstein: A Memoir*, Oxford University Press, pp. 84.
- [9] Monk R.(1990), *Ludwig Wittgenstein: The Duty of Genius*, Free Press, pp. 41.

## LUDWIG WITTGENSTEIN'S IDEOLOGICAL ITINERARY: SCIENTIFIC WORK, HERITAGE AND INFLUENCE ON LINGUISTIC PHILOSOPHY

***Le Huy Bac***

*Ha Noi National University of Education*

***Duong Thi Anh Tuyet***

*Quang Binh University*

**Abstract.** *Having been considered as one of the major philosophers of human beings in the 20<sup>th</sup> century, Ludwig Wittgenstein has a widespread and certain effect on many fields of socio-science and generations of philosopher all over the world. The article focuses on the analysis of the progress of philosophy and linguistic philosophy with the theory of games of the extraordinary talent-Ludwig Wittgenstein.*